

Bản án số: **20/2018/KDTM**

Ngày: 28-8-2018

V/v tranh chấp hợp đồng xây dựng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quản Văn Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Mai;

Bà Nguyễn Thị Cờ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đống Đa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 28/8/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đống Đa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 92/2017/TLST-KDTM ngày 20/11/2017 về việc Tranh chấp hợp đồng xây dựng; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75 ngày 01/6/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 67a ngày 19/6/2018, Thông báo mở lại phiên tòa số 1901 ngày 16/8/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 97 ngày 23/8/2018, giữa:

Nguyên đơn: **Công ty A**; Trụ sở: Số 78 tổ 7 phường Phúc Lợi, quận Long Biên, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Mỹ Hải - Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Minh Tú; Địa chỉ: Số 593 Vũ Tông Phan, phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội. Ông Tú có mặt.

Bị đơn: **Công ty B**.

Trụ sở: Số 141 Hồ Đắc Di, phường Nam Đồng, quận Đống Đa, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc Dũng - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Kiều Anh Tuấn; Ông Đỗ Ngọc Vũ; Địa chỉ: Số 141 Hồ Đắc Di, phường Nam Đồng, quận Đống Đa, Hà Nội. Ông Vũ có mặt, ông Tuấn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung, các lời khai của các đương sự tại Toà, nội dung vụ án như sau:

Ngày 25/12/2013 Công ty A và Công ty B đã ký Hợp đồng kinh tế số 2512/2013/HĐKT. Theo hợp đồng kinh tế các bên thống nhất Công ty A nhận thi công ép + rút và cho thuê cù Larsen phục vụ thi công công trình "hệ thống thoát nước Cp3-Hà Nội tuyến T6A Nguyễn Hồng".

Sau khi ký Hợp đồng các bên đã thực hiện công việc như thỏa thuận.

Công ty A đã hoàn thành công việc với tổng giá trị thanh toán là 691.738.420đồng, gồm:

Giá trị thuê cù: 405.398.725đồng.

Giá trị thuê khung tăng: 64.975.322đồng.

Giá trị lắp dựng khung tăng: 54.803.623đồng.

Giá trị đóng cù larsen: 110.155.500đồng.

Giá trị nhỏ cù larsen: 56.405.250đồng.

Ngày 30/9/2014 đại diện 2 Công ty đã tiến hành đối chiếu công nợ.

Công ty B đã thanh toán trả Công ty A số tiền 122.000.000đồng; còn nợ số tiền 569.738.420 đồng.

Quan điểm của Công ty A: yêu cầu Công ty B trả số tiền: nợ gốc: 569.738.420 đồng, nợ lãi: $569.738.420 \text{ đồng} \times 44 \text{ tháng} \times 9\%/\text{năm} \times 150\% = 282.020.517 \text{ đồng}$. Trên tinh thần thiện chí, Công ty A chỉ yêu cầu Công ty B trả tổng cộng số tiền là 750.000.000 triệu đồng.

Công ty B do ông Đỗ Ngọc Vũ xác nhận số nợ gốc và lãi trên và cam kết trả số tiền 750.000.000 đồng theo lộ trình sau:

Lần 1: Ngày 30/8/2018 thanh toán 50.000.000đồng.

Lần 2: Ngày 30/9/2018 thanh toán 200.000.000đồng.

Lần 3: Ngày 30/10/2018 thanh toán 200.000.000đồng.

Lần 4: Ngày 30/11/2018 thanh toán 200.000.000đồng.

Lần 5: Ngày 30/12/2018 thanh toán 100.000.000đồng.

Trường hợp Công ty B vi phạm bất cứ kỳ trả nợ nào nêu trên thì Công ty A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án thu hồi toàn bộ khoản nợ.

Công ty A và Công ty B do ông Đỗ Ngọc Vũ đại diện theo ủy quyền thống nhất với số tiền và lộ trình trả nợ trên. Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

Toà án đã triệu tập ông Kiều Anh Tuấn, ông Đỗ Ngọc Vũ là người được Công ty B, tuy nhiên, chỉ có ông Vũ có mặt, ông Kiều Anh Tuấn vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa:

Công ty A: giữ nguyên quan điểm, yêu cầu Công ty B trả số tiền 750.000.000đồng.

Công ty B do ông Đỗ Ngọc Vũ: giữ nguyên quan điểm trả số tiền 750.000.000đồng cho Công ty A; ông Kiều Anh Tuấn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án; Hội đồng xét xử nhận thấy:

1. Về tố tụng: Tại Điều 8 của Hợp đồng kinh tế số 2512/2013/HĐKT ngày 25/12/2013, hai Công ty thỏa thuận "... Trường hợp không thỏa thuận được, hai bên sẽ nhờ Tòa Kinh tế Hà Nội làm trung gian giải quyết. Quyết định của Tòa Kinh tế là căn cứ buộc các bên phải chấp hành...", tuy nhiên thỏa thuận này không phù hợp pháp luật; Công ty B đăng ký trụ sở tại phường Nam Đồng, quận Đống Đa, Hà Nội; Do vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Đống Đa thụ lý, giải quyết và xét xử là đúng thẩm quyền.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với Công ty B do ông Đỗ Ngọc Vũ, ông Kiều Anh Tuấn đại diện theo uỷ quyền, tại phiên tòa ông Vũ có mặt, ông Tuấn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông Tuấn.

2. Về nội dung:

Ngày 25/12/2013 Công ty A và Công ty B đã ký Hợp đồng kinh tế số 2512/2013/HĐKT. Theo hợp đồng kinh tế các bên thống nhất Công ty A nhận thi công ép + rút và cho thuê cọc cừ Larsen phục vụ thi công công trình "hệ thống thoát nước Cp3-Hà Nội tuyến T6A Nguyễn Hồng".

Sau khi ký Hợp đồng các bên đã thực hiện công việc như thỏa thuận. Công ty A đã hoàn thành công việc với tổng giá trị thanh toán là 691.738.420 đồng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, cũng như lời thừa nhận của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, có đủ cơ sở xác định Công ty A đã thực hiện công việc như thỏa thuận trong hợp đồng, với tổng giá trị thanh toán cho Công ty B với giá trị thực tế là 691.738.420 đồng; Công ty B đã thanh toán cho Công ty A số tiền 122.000.000đ, còn nợ 569.738.420 đồng. Do đó, Công ty A yêu cầu Công ty B thanh toán số tiền 569.738.420 đồng là có căn cứ, phù hợp với Điều 81 Luật Xây dựng năm 2003, Điều 50 Luật Thương mại, phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Xét yêu cầu tính lãi của Công ty A:

Tại Điều 4 của Hợp đồng các bên thỏa thuận: ... hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng, thanh toán công nợ trong vòng 30 ngày kể từ ngày kết thúc thi công (sau khi đã trừ đi các lần tạm ứng trước).

Hội đồng xét xử nhận thấy ngày 30/9/2014 hai bên đối chiếu công nợ và ngày này được xác định là thời điểm phát sinh nghĩa vụ thanh toán của Công ty B theo Hợp đồng kinh tế số 2512/2013/HĐKT. Do Công ty B không trả nên yêu cầu của Công ty A buộc Công ty B phải trả lãi quá hạn tính từ ngày 01/10/2014 là phù hợp

với quy định tại Điều 306 Luật Thương mại và Án lệ số 09. Do đó việc Công ty A, Công ty B thống nhất trả số tiền lãi 180.261.580 đồng, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của đương sự, sự thỏa thuận này là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Như vậy, Công ty B phải trả cho Công ty A tổng cộng số tiền 750.000.000 đồng.

Ngoài yêu cầu thanh toán tiền gốc, lãi của số nợ gốc, hai Công ty không thắc mắc gì về quá trình ký kết và nội dung của hợp đồng nên Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Công ty A không phải chịu án phí kinh doanh thương mại. Công ty B phải chịu 34.000.000 đồng án phí theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 24, Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại;

Căn cứ Điều 81 Luật Xây dựng năm 2003.

Căn cứ Khoản 2 Điều 305, Điều 438; Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Công ty A đối với Công ty B.

2. Buộc Công ty B trả cho Công ty A tổng số tiền 750.000.000 đồng gồm:

nợ gốc là 569.738.420 đồng.

nợ lãi là 180.261.580 đồng.

3. Án phí: Công ty A không phải chịu án phí kinh doanh thương mại. Hoàn trả Công ty A số tiền 33.000.000 (ba mươi ba triệu) đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006460 ngày 17/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đống Đa. Công ty B phải chịu 34.000.000 đồng (ba mươi tư triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực thi hành, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Công ty A, Công ty B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Đống Đa;
- Chi cục THADS quận Đống Đa;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Quản Văn Tiến